TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-02-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Bình**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Phương Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thanh H**, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp S, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Duy Kh**, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khu phố xã H, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Ông **Nguyễn Quốc S**. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khu phố xã H, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Bùi Duy Kh xây dựng hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26/02/2014. Thời gian chung sống lúc

đầu rất hạnh phúc, sau này sống không còn hạnh phúc, vợ chồng cảm thấy sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chị thì đi làm ở Sài Gòn còn anh Kh không chịu làm gì cả và vợ chồng đã ly thân 02 năm nay. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Kh. Về con chung: có một con chung tên Bùi Vương Bá T, sinh ngày 07/8/2014 hiện đang sống chung với anh Kh, nay chị để cho anh Kh được tiếp tục nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện chị H có nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú, giấy chứng nhận kết hôn, trích lục khai sinh Bùi Vương Bá T, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Kh. Về con chung để anh Kh được tiếp tục nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H, xử cho chị H ly hôn với anh Bùi Duy Kh. Về con chung: Giao cháu Bùi Vương Bá T, sinh ngày 10/8/2014 cho anh Kh nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: buộc nguyên đơn nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Bùi Duy Kh được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Quốc S vắng mặt tại phiên Tòa nhưng ông S đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 05/01/2018. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Thanh H và anh Bùi Duy Kh thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 vào ngày 26/02/2014 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Kh là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đã 02 năm nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị H và anh Kh không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Bùi Vương Bá T, sinh ngày 10/8/2014 hiện đang sống trực tiếp với anh Kh, chị H cũng đồng ý để cho anh Kh được tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Kh không có văn bản ý kiến về việc có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hay không. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thanh H phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H. Xử cho chị H ly hôn với anh Bùi Duy Kh.

2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Vương Bá T, sinh ngày 10/8/2014 cho anh Bùi Duy Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Thị Thanh H nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014123 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, chị H không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã H, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 26/02/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm